

TÓM LƯỢC

Chính sách

thu nhập của người dân, bảo đảm an ninh lương thực và phục vụ chế biến, xuất khẩu.

d) Xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm sản không gây mất rừng và suy thoái rừng; các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nông, lâm nghiệp đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế

5. Tăng cường khả năng tiếp cận, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế, hợp tác công tư để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số

a) Tăng cường khả năng tiếp cận, thúc đẩy hợp tác quốc tế và hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới về tài chính khí hậu, tín dụng xanh, mở rộng dịch vụ môi trường rừng, thị trường các-bon rừng, nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và

phục hồi rừng, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, có các cơ chế, chính sách hiệu lực, hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về quản lý rừng, sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng cơ chế, chính sách phân bổ, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư thông qua các chương trình, dự án, đề án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững.

b) Nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc lồng ghép các chương trình hỗ trợ quốc tế, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án phát triển nông, lâm nghiệp để nâng cao hiệu quả đầu tư trong quản lý rừng và sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường điều phối, hợp tác liên ngành trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án phát triển nông, lâm nghiệp nhằm chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng.

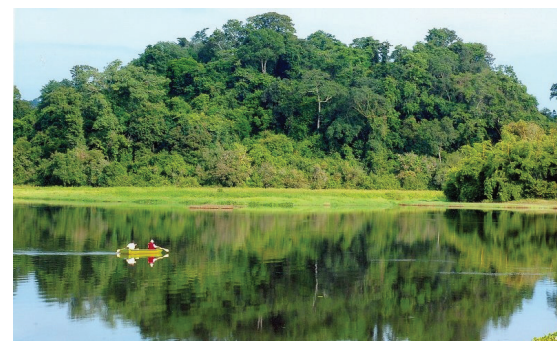
III. NGUỒN VỐN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và lập dự toán nhu cầu kinh phí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định của pháp

luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định của pháp luật liên quan.
3. Các địa phương bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch tại địa phương theo quy định của pháp luật; ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện và kết quả thực hiện.
Các bộ ngành thực hiện các nhiệm vụ liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Ủy ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



Lời cảm ơn

Văn phòng Chương trình Hỗ trợ quốc tế (ISG), Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các bên: Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm... và các chuyên gia đã hỗ trợ thực hiện bản Tóm lược chính sách này.

TÓM LƯỢC

Chính sách



KẾ HOẠCH QUỐC GIA VỀ TRIỂN KHAI TUYÊN BỐ GLASGOW VỀ RỪNG VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

Tuyên bố Glasgow về cam kết ngăn chặn và đẩy lùi nạn phá rừng cũng như tình trạng suy thoái đất vào cuối thập niên này đã được đưa ra tại Hội nghị về Biến đổi Khí hậu của Liên hợp quốc (COP26) vào tháng 11/2021. Tổng cộng có 143 quốc gia đã ký tuyên bố này, chiếm hơn 90% diện tích rừng trên thế giới. Đây là nỗ lực nhằm mục đích “ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất rừng và suy thoái đất vào năm 2030, đồng thời hỗ trợ phát triển bền vững và thúc đẩy chuyển đổi nông thôn toàn diện”.

Là Quốc gia cam kết mạnh mẽ thực hiện tuyên bố này, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023 về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia về triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030” đưa ra các mục tiêu, hành động để quản lý chặt chẽ rừng tự nhiên và từng bước giải quyết vấn đề suy thoái rừng và đất vào năm 2030.

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Đóng góp trực tiếp vào mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, các mục tiêu về giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển sinh kế bền vững cho người dân và cộng đồng địa phương, đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ môi trường, qua đó thực hiện được các cam kết của Tuyên bố Glasgow.

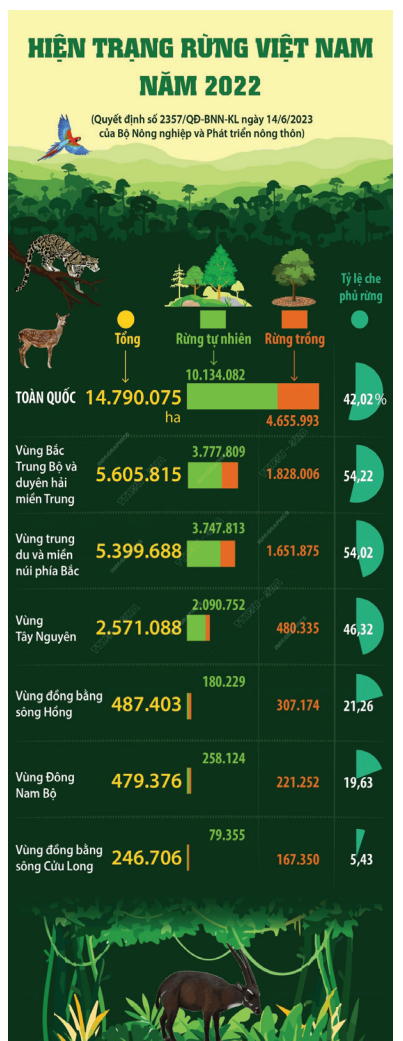
2. Mục tiêu cụ thể

- a) Đến năm 2025, quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, từng bước hạn chế tình trạng suy thoái rừng và suy thoái đất; đến năm 2030, cơ bản đẩy lùi tình trạng mất rừng, suy thoái tài nguyên rừng, suy thoái đất và sa mạc hóa, bảo đảm hài hòa phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, đóng góp hiệu quả vào việc thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định (NDC).
- b) Diện tích rừng tự nhiên nghèo được phục hồi và nâng cấp chất lượng đạt 10% vào năm 2025, đạt 20% vào năm 2030, góp phần giảm tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên nghèo, tăng tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên trung bình và giàu; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ; nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và tính bền vững của rừng trồng và cây trồng nông nghiệp; diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 0,5 triệu ha vào năm 2025, đạt 1,0 triệu ha vào năm 2030.

c) Hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững không gây mất rừng, suy thoái đất và sa mạc hóa; nâng cao tính chống chịu, giảm thiểu tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng đa mục đích, phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh.

NỘI DUNG

1. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN
2. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
3. NGUỒN VỐN
4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN



II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU



1. Bảo tồn và đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng, các hệ sinh thái trên cạn

- a) Xây dựng và thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án về bảo tồn, phục hồi rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, ngăn ngừa chuyển đổi, phá hủy hệ sinh thái, các cảnh quan tự nhiên quan trọng, góp phần thực hiện Tuyên bố Thập kỷ 2021 - 2030 là Thập kỷ Liên hợp quốc về phục hồi hệ sinh thái.
- b) Quản lý xung đột, tranh chấp về rừng và sử dụng đất; đánh giá hiện trạng rừng và đất rừng có tranh chấp, chồng lấn giữa lâm nghiệp và lĩnh vực khác; xây dựng và triển khai kế hoạch giải quyết các tranh chấp về rừng và đất; thực hiện đóng mốc ranh giới giữa các chủ rừng, thống nhất ranh giới rừng trên bản đồ và thực địa, ưu tiên ở khu vực có nguy cơ xâm hại cao, để xảy ra tranh chấp.
- c) Lồng ghép nội dung quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn các hệ sinh thái rừng trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; và các quy hoạch ngành quốc gia, như: quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch bảo vệ môi trường.
- d) Tăng cường năng lực, cơ chế phối hợp liên ngành để

thực thi pháp luật lâm nghiệp cho kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; đảm bảo chế độ, chính sách đặc thù; đầu tư trang thiết bị và công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thực thi pháp luật, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng và ban hành cơ chế, quy chế phối hợp liên ngành.

đ) Kiểm soát chặt chẽ, có hiệu quả việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên ở các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt sang mục đích ngoài lâm nghiệp.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học rừng (cấp hệ sinh thái, loài); theo dõi, giám sát đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động điều tra, giám sát đa dạng sinh học rừng.

2. Xây dựng và hoàn thiện chính sách thương mại trong nước và quốc tế, thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững để đạt được lợi ích chung, không làm mất rừng và suy thoái đất

- a) Xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát triển giá trị đa mục đích của hệ sinh thái rừng, sử dụng đất bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm nghiệp không gây mất rừng và suy thoái đất.
- b) Thúc đẩy tổ chức sản xuất các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững theo chuỗi, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại và mở rộng thị trường các sản phẩm nông, lâm sản.
- c) Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định pháp luật về sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp có nguồn gốc hợp pháp và không gây mất rừng, phù hợp với các cam kết quốc tế và điều kiện của Việt Nam; thúc đẩy quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

3. Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của rừng và đất; tăng cường khả năng phục hồi và cải thiện

sinh kế nông thôn thông qua trao quyền cho cộng đồng, củng cố hệ thống quản lý đất, phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị đa mục đích của rừng; đồng thời đảm bảo các quyền của người dân và các cộng đồng địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế

a) Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái rừng, đất và sinh kế của cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu.

b) Nâng cao năng lực thực hiện và trách nhiệm quốc gia thành viên Công ước của Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa; xây dựng và triển khai Chương trình hành động quốc gia về chống sa mạc hóa và suy thoái đất.

c) Xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng và cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương thông qua giao rừng gắn với giao đất, nhiệm vụ bảo vệ rừng và hưởng lợi từ rừng, hoàn thành việc giao diện tích rừng và đất rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương; tăng cường năng lực cho cộng đồng dân cư thực hiện quản lý đất, bảo vệ và phát triển rừng được giao; thực hiện chính sách khoán rừng cho cộng đồng dân cư và người dân sống phụ thuộc vào rừng.

đ) Hỗ trợ phát triển sinh kế và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, không gây mất rừng cho các cộng đồng dân cư ở vùng đệm rừng đặc dụng và khu vực tiếp giáp rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

e) Phát triển và sử dụng có hiệu quả các giá trị của rừng, xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm phát triển kinh tế dưới tán rừng thông qua mô hình nông, lâm kết hợp; phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên; mở rộng dịch vụ môi trường rừng.

g) Xây dựng chính sách chi trả dịch vụ lưu giữ hấp thụ



các-bon rừng; triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng để đáp ứng các yêu cầu của thị trường các-bon trong nước và quốc tế, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của ngành lâm nghiệp và quốc gia, tạo nguồn tài chính bền vững cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường

- a) Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp mới theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường tính chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- b) Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, các vùng sản xuất chuyên canh, đáp ứng yêu cầu của thị trường, như: nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và phát thải thấp; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, dịch vụ.
- c) Xây dựng và thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất bền vững 1,0 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao vùng Đồng bằng sông Cửu Long nhằm nâng cao giá trị,